Câu 11: Nhà máy đạt GMP giúp

a. Lập hồ sơ đăng ký thuốc mới được thuận lợi hơn

b. Sản xuất nhiều loại thuốc có sinh khả dụng cao

c. Tạo sự tin cậy ở người tiêu dùng

d. Đảm bảo chất lượng thuốc

Câu 12: Nắp phân liều của chai thuốc nhỏ mắt

a. Bao bì cấp 1 c. Bao bì thứ cấp

b. Bao bì cấp 2 d. Câu a, b, c đúng

Câu 13: Bao bì đóng vai trò, NGOẠI TRỪ

a. Trình bày c. Che dấu màu sắc

b. Thông tin thuốc d. Bảo vệ thuốc tránh ánh sáng

Câu 14: Đóng vai trò nhận dạng thuốc

a. Bao bì cấp 1 quan trọng hơn bao bì cấp 2

b. Bao bì cấp 1 quan trọng như bao bì cấp 2

c. Bao bì cấp 1 không giúp nhận dạng thuốc

d. Bao bì cấp 2 quan trọng hơn bao bì cấp 1

Câu 15: Sự kết hợp nhiều dược chất trong công thức nhằm mục đích

a. Tạo tác dụng hiệp lực c. Giảm lượng tá dược sử dụng

b. Giảm tác dụng phụ hoạt chất phụ d. Câu a, b, c đúng

Câu 16: Dung dịch thuốc, cao thuốc, thuốc đặt thuộc cách phân loại theo

a. Đường đưa thuốc vào cơ thể c. Cấu trúc hệ phân tán

b. Thể chất d. Nguồn gốc công thức

ĐẠI CƯƠNG VỀ HÒA TAN VÀ KỸ THUẬT HÒA TAN

Câu 17: Chất tan là chất

a. Có tỉ lệ tan giới hạn

b. Có tỉ lệ ít nhất trong công thức

c. Lỏng có sự thay đổi trạng thái sau khi hòa tan

d. Chất tan không bao gồm chất khí

Câu 18: Dung dịch

a. Chỉ có thể ở dạng lỏng c. Có thể ở thể khí

b. Có thể ở thể rắn d. Câu a, b, c, đúng

Câu 19: Độ tan một chất là

a. Lượng dung môi tối đa để hòa tan một đơn vị chất đó ở 20°C, 1 atm

b. Lượng dung môi tối thiểu để hòa tan một đơn vị chất đó ở 20°C, 1 atm

c. Lượng chất tan tối đa có thể hòa tan trong một đơn vị dung môi ở 20°C, 1 atm

d. Lượng chất tan tối đa có thể hòa tan trong 100ml dung môi ở 20°C, 1 atm

Câu 20: Hệ số tan là

a. Lượng chất tan tối đa có thể hòa tan trong 1 đơn vị dung môi ở 20°C, 1 atm

b. Lượng chất tan tối đa có thể hòa tan hoàn toàn trong 1 đơn vị dung môi ở 20°C, 1

atm

c. Lượng chất tan tối thiểu có thể hòa tan trong 1 đơn vị dung môi ở 20°C, 1 atm

d. Lượng chất tan tối thiểu có thể hòa tan hoàn toàn trong 100ml dung môi ở 20°C, 1 atm